TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 08 - 8 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thuấn

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr

Bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Tài - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2025/TLPT-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn". Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 09/2025/HNGĐ-ST, ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2025/QĐXX-PT, ngày 08 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 15/2025/QĐ-PT, ngày 25/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Y B Niê, sinh năm 1989. Địa chỉ: Buôn A, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn A, xã T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

- Bị đơn: Bà H Y Mlô, sinh năm 1988. Địa chỉ: Buôn A, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn A, xã T, tỉnh Đắk Lắk), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Y M Niê và bà H D Mlô. Cùng địa chỉ: Buôn A, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là Buôn Sah A, xã Ea Tu, tỉnh Đắk Lắk), đều vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền cho ông Y M Niê: Ông Hồ Ngọc D. Địa chỉ: (nay là 26 L, phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà H Y Mlô và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Y M Niê.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên ông Y B Niê trình bày:** Ông và bà H Y Mlô tự nguyện chung sống từ năm 2007, đến ngày 17 tháng 4 năm 2009 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ở chung với bố mẹ vợ là ông Y M Niê và bà H D Mlô tại Buôn A, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Hai năm trở lại đây bà H Y Mlô ngoại tình với người làm trong nhà, hay đi chơi sớm về khuya, không làm việc, không quan tâm gia đình con cái, vợ chồng đã mâu thuẫn, ông Y B đã tha thứ nhiều lần. Hai bên gia đình đã hòa giải, nội bộ giải quyết với nhau theo phong tục của người Êđê, bà H Y đã thừa nhận sai trái của mình nhưng không sửa đổi. Đến tháng 01 năm 2024 thì ông Y B về nhà mẹ để cách nhà ông Y M khoảng 200m để sinh sống. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống với nhau. Nguyện vọng của ông Y B Niê yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và H Y Mlô.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông Y B Niê và bà H Y Mlô có 02 con chung là cháu Y Th Mlô, sinh ngày 17/02/2009 và cháu H N Mlô, sinh ngày 07/01/2016. Nguyện vọng của ông Y B Niê giao 02 con chung cho bà H Y Mlô nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Năm 2007 sau khi về nhà H Y ở thì vợ chồng và bố mẹ vợ có làm chung rẫy. Nhà ông Y Mr đã có sẵn 03ha đất rẫy trồng cà phê và sầu riêng hạt. Năm 2016 vợ chồng ông Y M cho toàn bộ diện tích đất cho vợ chồng ông Y B nhưng chưa sang tên. Đến năm 2017 thì ông Y B bắt đầu trồng thêm sầu riêng ghép xen vào vườn cà phê; Tiêu trồng thêm hơn 1.000 trụ tiêu có trồng trên trụ sống và trụ gỗ; Năm 2019 tái canh 02 sào cà phê Arabica. Đến năm 2020 trồng thêm cà phê, sầu riêng, tiêu trên phần đất 05 sào; 2022 trồng mới thêm cây cà phê trên diện tích 05 sào; Đầu 2023 trồng lại 05 sào cà phê. Trong quá trình chung sống tại gia đình nhà vợ, ông Y Blà lao động chính trong gia đình, ông Y M chỉ làm mấy sào ruộng lúa nước, còn rẫy trồng cà phê, tiêu, sầu riêng đã cho thu hoạch chủ yếu là công Y B canh tác.

Đối với phần diện tích đất mua của ông Y B lênh năm 2011 nhưng chưa sang tên có trồng cà phê, ông Y Mr có cho con út là Y li canh tác nhưng không hiệu quả, đến năm 2019 thì trả về ông Y Btrực tiếp canh tác và chăm sóc.

Năm 2012 có mua 01 xe ôtô Innova với giá 545.000.000 đồng, trong đó có

200.000.000 đồng của ông Y M rút tiền ở đại lý về, còn lại là tiền của vợ chồng chung.

Năm 2017 vợ chồng có gửi ngân hàng khoảng 150.000.000 đồng, mỗi năm vợ chồng lại gửi tiếp khoảng 60 đến 70 triệu đồng. Đến năm 2024 tổng cộng khoảng 600.000.000 đồng gửi ngân hàng Nông nghiệp huyện C. Ngoài ra vợ chồng còn 13 chỉ vàng bà H Y đang giữ.

Nguyện vọng của ông Y B yêu cầu bà H Y giao lại cho ông Y B ½ số tiền tiết kiệm của vợ chồng là 300.000.000 đồng và vợ chồng ông Y M và bà H D thanh toán lại cho ông Y B về công sức đóng góp của ông Y B từ năm 2007 đến năm 2024 khi chung sống với gia đình ông Y M phần của ông Y B với tổng số tiền 100.000.000 đồng. Đối với các yêu cầu chia tài sản khác ông Y B xin rút, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

*** Bị đơn bà H Y Niê trong quá trình tố tụng trình bày**: Bà và ông Y B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bà có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, ông Y B có về chung sống với gia đình bà H Y cho đến khoảng tháng 01 năm 2024 thì ông Y B chuyển đi nơi khác sinh sống. Nay ông Y B khởi kiện giải quyết về ly hôn thì bà đồng ý ly hôn, con chung có nguyện vọng nuôi hai con chung, yêu cầu ông Y B cấp dưỡng theo quy định. Về tài sản chung: đối với số tiền gửi tiết kiệm gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk – Chi nhánh huyện C là của bố mẹ bà H Y (ông Y M Niê và bà H D Mlô) nhờ bà H Y gửi tiết kiệm và đứng tên giúp cho ông bà không biết chữ, ông Y M Niê và bà H D Mlô nhờ bà H Y gửi tiết kiệm từ năm 2017 cho đến nay. Việc ông Y B cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng là không đúng vì hai vợ chồng không nghề nghiệp ổn định, ở chung với gia đình ông Y M Niê và bà H D Mlô, số tiền kiếm được chỉ đủ nuôi 02 con ăn học. Đối với xe Toyota giá trị 545.000.000 đồng do ông Y M Niê mua và đứng tên, bà H Y và ông Y B không đóng góp trong việc mua xe; 05 sào rẫy của ông Y B Biê vào năm 2011 ông Y M nhận chuyển nhượng với giá 150.000.000 đồng là tiền vợ chồng ông Y M tích góp từ canh tác hoa màu từ trước khi ông Y B chung sống với bà H Y; Đối với yêu cầu chia tài sản cây trồng trên đất, ông Y Bkhông có công sức đóng góp gì trong khối tài sản của vợ chồng ông Y M, vì vậy ông Y B yêu cầu chia tài sản là cây trồng không đúng sự thật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y M Niê và bà H D Mlô trong quá trình tố tụng trình bày:** Ông bà là bố mẹ ruột của bà H Y Mlô, sau khi bà H Y Mlô và ông Y B kết hôn, gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, ông Y Bvề chung sống cùng gia đình ông Y M và bà H D, đến tháng 01 năm 2024

thì ông Y B chuyển đi nơi khác sinh sống. Nay ông Y B khởi kiện ly hôn có yêu cầu chia tài sản chung thì bà H D và ông Y M không đồng ý vì: Đối với số tiền gửi tiết kiệm ngân hàng là do bà H Dlốc và ông Y M nhờ bà H Y gửi tiết kiệm vì vợ chồng bà H D không biết chữ; Xe ôtô Toyota Innova mua vào năm 2012 là của vợ chồng và do ông Y M đứng tên; Rẫy 05 sào mua của ông Y Blênh là tiền từ vợ chồng tiết kiệm được từ canh tác cây hoa màu; Còn phân chia tài sản là cây trồng mới trên đất thì vợ chồng Y B và H Y không có công sức đóng góp gì trong tài sản này của vợ chồng bà H Dlốc và ông Y M. Vì vậy, ông Y B yêu cầu chia tài sản là cây trồng trên đất là không có căn cứ.

Tại phiên tòa, ông Hồ Ngọc D đại diện theo ủy quyền cho ông Y M cho rằng ông Y B và bà H Y không có việc làm ổn định, ở chung với vợ chồng ông Y M và làm công cho ông Y M và trả tiền công theo ngày nên tiền kiếm được chỉ đủ để nuôi hai con ăn học, không có tài sản gì. Việc ông Y B yêu cầu chia tài sản là khoản tiền tiết kiệm 600.000.000 đồng và 100.000.000 đồng công sức đóng góp là không có căn cứ chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, đối chất nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về chia tài sản chung, công sức đóng góp; Bà H Y Mlô vắng mặt không tham gia hòa giải, đối chất, gia gia tố tụng tại phiên tòa.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 09/2025/HNGĐ-ST, ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Y B Niê

Về quan hệ hôn nhân: Ông Y B Niê được ly hôn bà H Y Mlô.

Về con chung: Giao cháu Y Th Mlô, sinh ngày 17/02/2009 và cháu H N Mlô, sinh ngày 07/01/2016 cho bà H Y Mlô trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Y B Niê không phải cấp dưỡng nuôi

con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Ông Y B Niê và bà H Y Mlô có tài sản chung là 600.000.000 đồng. Buộc bà H Y Mlô giao cho ông Y B Niê ½ tài sản chung 300.000.000 đồng.

Về tính công sức đóng góp: Buộc ông Y M Niê và bà H D Mlô thanh toán lại cho ông Y B Niê tiền công sức đóng góp 100.000.000 đồng.

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác."

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia: 01 xe ôtô Innova đứng tên ông Y M Niê; 13 chỉ vàng; 05 sào rẫy mua bằng giấy viết tay của ông Y B; 03 xe máy bao gồm 01 xe Ablade ông Y B đang sử dụng đứng tên; 01 xe Wave Anpha và 01 Cup 50 bà H Y đứng tên và sử dụng.

Về hậu quả của việc đình chỉ: ông Y B Niê có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/4/2025 bị đơn bà H Y Mlô kháng cáo một phần bản án theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà H Y Mlô phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng; Buộc ông Y B Niê phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/4/2025 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Y M Niê kháng cáo một phần bản án theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Y M Niê trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng công sức đóng góp; Yêu cầu ông Y B Niê và bà H Y Mlô phải có trách nhiệm trả cho ông Y M Niê số tiền 600.000.000 đồng mà bà H Ya Mlô đã cất giữ giúp ông Y M Niê tại ngân hàng Agribank.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Y B Niê tự nguyện thay đổi ý kiến, đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật; bị đơn bà H Y

Mlô và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y M Niê giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng là không đúng, cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà H Y Mlô về phần cấp dưỡng, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Y M Niê. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Y M Niê, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà H Y Mlô, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST, ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân Huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà H Y Mlô và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y M Niê, được nộp trong thời hạn luật định và đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà H Y Mlô và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y M Niê, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Y B Niê và bà H Y Mlô tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2009. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2024. Căn cứ lời khai, chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Y B và bà H Y đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho ly hôn là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng ông Y B Niê và bà H Y Mlô có hai con chung là cháu Y Th Mlô, sinh ngày 17/02/2009 và cháu H N Mlô, sinh ngày 07/01/2016. Ông Y B Niê nguyện vọng giao 02 con cho bà H Y Mlô nuôi

dưỡng và không có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu này của ông Y B Niê. Bà H Y Mlô kháng cáo yêu cầu ông Y B Niê phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với thu nhập và khả năng kinh tế của ông Y B Niê, Hội đồng xét xử nhận thấy: ông Y B Niê trình bày ông là "lao động chính trong gia đình" khi chung sống với bố mẹ vợ, chủ yếu canh tác trên rẫy cà phê, tiêu, sầu riêng đã cho thu hoạch, ngoài ra ông Y B còn làm thêm công việc chạy xe dịch vụ. Điều này cho thấy ông Y B Niê có nguồn thu nhập từ nông nghiệp và lái xe. Mặc khác, tại bản án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà H Y có nghĩa vụ giao cho ông Y B½ tài sản chung với số tiền 300.000.000 đồng, buộc ông Y M và bà H D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Y B công sức đóng góp là 100.000.000 đồng, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông Y B không có tài sản để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là chưa bảo đảm quyền lợi của các cháu theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 107 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Mặc dù ông Y B Niê không đồng ý cấp dưỡng, nhưng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là một nghĩa vụ pháp lý của người không trực tiếp nuôi con, nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con. Hai cháu Y Th Mlô và H N Mlô còn nhỏ, đang trong độ tuổi đi học, cần được đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần. Việc một bên cha/mẹ không yêu cầu cấp dưỡng, không đương nhiên có nghĩa là nghĩa vụ cấp dưỡng bị loại bỏ, đặc biệt khi bên trực tiếp nuôi con (bà H Y Mlô) lại có yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Y B Niê tự nguyện thay đổi ý kiến, đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật. Sự tự nguyện này phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà H Y Mlô, sửa bản án sơ thẩm về phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk) thuộc Vùng IV theo quy định về lương tối thiểu vùng. Mức lương tối thiểu vùng IV hiện nay là 3.450.000 đồng/tháng (áp dụng từ 01/7/2025 theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP và Nghị định 128/2025/NĐ-CP).

Do đó, mỗi cháu sẽ được cấp dưỡng tối thiểu là 3.450.000 đồng/2 = 1.725.000 đồng/tháng. Với 2 con, ông Y B Niê cần cấp dưỡng tối thiểu là 1.725.000 đồng x 2 = 3.450.000 đồng/tháng.

Ông Y B Niê có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con đến khi: Con đủ 18 tuổi, theo quy định của pháp luật Việt Nam, người thành niên là người từ đủ 18 tuổi trở lên. Khi con đủ 18 tuổi, cha mẹ không còn nghĩa vụ cấp dưỡng nếu con có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân. Cháu Y Th Mlô sinh ngày 17/02/2009, vậy cháu sẽ đủ 18 tuổi vào ngày 17/02/2027. Cháu H N Mlô sinh ngày 07/01/2016, vậy cháu sẽ đủ 18 tuổi vào ngày 07/01/2034. Ông Y B Niê sẽ phải cấp dưỡng cho từng cháu đến ngày cháu đó tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung – số tiền tiết kiệm 600.000.000 đồng: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các bên và thực tế thời gian chung sống, có cơ sở xác định số tiền 600.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại ngân hàng Agribank huyện C đứng tên bà H Y là từ nguồn thu nhập, tích lũy của cả hai vợ chồng trong quá trình sống chung từ năm 2007 đến năm 2024. Việc ông Y M và bà H D cho rằng đây là tiền của vợ chồng ông bà gửi nhờ do không biết chữ, nhưng ông bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn gốc, quá trình tích lũy hoặc giao nhận tiền cụ thể; bản thân bà H Y cũng không xuất trình được giấy tờ thể hiện đây là tài sản riêng của cha mẹ mình. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung vợ chồng và chia đôi, buộc bà H Y giao lại ½ số tiền trên cho ông Y B là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về yêu cầu công sức đóng góp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, có cơ sở xác định trong quá trình sống chung tại nhà ông Y M, ông Y B là lao động chính, trực tiếp canh tác rẫy, trồng và chăm sóc cây trồng trên đất của ông Y M từ năm 2007 đến năm 2024. Ông Y M và bà H D thừa nhận có giao đất và rẫy cho ông Y B canh tác, việc này đã kéo dài nhiều năm, đem lại thu nhập đáng kể cho gia đình. Mặc dù tài sản đứng tên ông Y M nhưng ông Y B có đóng góp sức lao động liên tục, lâu dài, làm phát sinh giá trị tài sản. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Y B về công sức đóng góp và buộc ông Y M và bà H D thanh toán 100.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

- Về yêu cầu của ông Y M Niê buộc ông Y B Niê và bà H Y Mlô trả lại 600.000.000 đồng tiền tiết kiệm: Đây là yêu cầu mới phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm, không được xem xét trong phạm vi xét xử phúc thẩm do không thuộc căn cứ kháng cáo hoặc kháng nghị. Ông Y M có quyền khởi kiện yêu cầu độc lập bằng vụ án khác theo thủ tục sơ thẩm.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà H Y Mlô, sửa một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 09/2025/HNGĐ-ST, ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk về

việc cấp dưỡng nuôi con chung. Không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y M Niê.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm một phần về việc cấp dưỡng nuôi con nên bị đơn bà H Y Mlô không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm; ông Y M Niê không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Ông Y B Niê phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố dụng dân sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà H Y Mlô, sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST, ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk về phần cấp dưỡng nuôi con.

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y M Niê.

Áp dụng các Điều 33, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị định số 74/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024 của Chính phủ và Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Y B Niê.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Y B Niê được ly hôn với bà H Y Mlô.

[2]. Về con chung: Giao cháu Y Th Mlô, sinh ngày 17/02/2009 và cháu H N Mlô, sinh ngày 07/01/2016 cho bà H Y Mlô trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Y B Niê phải cấp dưỡng nuôi cháu Y Th Mlô sinh ngày 17/02/2009 với mức 1.725.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2025 cho đến khi cháu Y Th Mlô thành niên (đủ 18 tuổi) và phải cấp dưỡng nuôi cháu H N Mlô sinh ngày 07/01/2016 với mức 1.725.000

đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2025 cho đến khi cháu H N Mlô thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3]. Về tài sản chung: Ông Y B Niê và bà H Y Mlô có tài sản chung là 600.000.000 đồng. Buộc bà H Y Mlô giao cho ông Y B Niê ½ tài sản chung 300.000.000 đồng.

[4]. Về tính công sức đóng góp: Buộc ông Y M Niê và bà H D Mlô thanh toán lại cho ông Y B Niê tiền công sức đóng góp 100.000.000 đồng.

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác."

[5]. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia: 01 xe ôtô Innova đứng tên ông Y M Niê; 13 chỉ vàng; 05 sào rẫy mua bằng giấy viết tay của ông Y B; 03 xe máy bao gồm 01 xe Ablade ông Y B đang sử dụng đứng tên; 01 xe Wave Anpha và 01 Cup 50 bà H Y đứng tên và sử dụng.

Về hậu quả của việc đình chỉ: ông Y B Niê có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí:

[6.1]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Ông Y B Niê phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung được khấu trừ vào 21.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0007659 ngày 05/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 3 – Đắk Lắk), ông Y B Niê được nhận lại 6.000.000 đồng.

- Bà H Y Mlô phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung.

- Ông Y M Niê và bà H D Mlô phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6.2]. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm:

- Bà H Y Mlô không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Hoàn trả cho bà H Y Mlô số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (do Y S Mlô nộp thay) theo biên lai thu số 0004813 ngày 15/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 3 – Đắk Lắk).

- Ông Y M Niê phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp (do Y S Mlô nộp thay) theo biên lai số 0004814 ngày 17/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án Khu vực 3 – Đắk Lắk).

- Án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Y B Niê phải chịu.

[7]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà H Y Mlô có trách nhiệm trả lại cho ông Y B Niê 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; Ông Y M Niê và bà H D Mlô có trách nhiệm trả lại cho ông Y B Niê 1.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Phòng Thi hành án Khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã Ký)

Nguyễn Duy Thuấn